

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09/6/2025

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hà

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đào Khắc Dinh
Ông Trần Viết Ty

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Trí Đôn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Chuỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc: “Tranh chấp về hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thuỳ L - sinh năm 2001 (vắng mặt)

CCCD số: 038301007734

Địa chỉ: Thôn G, xã A, huyện B, tỉnh Thanh Hoá.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Trương Minh T - sinh năm 1990 (vắng mặt)

Trú tại: Chung cư H, phường T, thành phố T, Thanh Hoá.

Bị đơn: Anh Lê Văn T - sinh năm 1997 (vắng mặt)

CMND số: 174827262

Trú tại: Thôn 2 Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện tại: Nhật Bản

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thuỳ L trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh T vào năm 2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ anh T. Đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không đồng thuận về quan điểm sống và quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình. Giữa vợ chồng nhiều lần xảy ra tranh chấp cãi vã. Từ năm 2023 chị L đã chuyển về ở tại nhà bố mẹ đẻ tại thôn G, xã A, huyện B, tỉnh Thanh Hoá. Khoảng tháng 6/2024 thì chị L biết anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và không liên lạc, không quan tâm tới chị. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị và anh T chưa có con chung.

- Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết

- Về án phí: Chị tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

** Tại biên bản lấy lời khai của ông Lê Văn Chiến (là bố đẻ anh T) trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông thống nhất như đơn khởi kiện của chị L trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh T và chị L. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống có mâu thuẫn gì hay không thì ông không biết. Năm 2022 chị L về nhà mẹ đẻ ở. Khoảng tháng 8/2024 anh T đã đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đến nay chưa về. Ông có liên lạc với anh T nhưng địa chỉ làm việc và sinh sống của anh tại Nhật Bản ông không biết cụ thể. Nay chị L xin ly hôn anh T, ông đã liên lạc cho anh T biết và anh T đồng ý ly hôn chị L.

- Về con chung: Anh T và chị L chưa có con chung.

- Về tài sản và công nợ của anh T và chị L ông không biết.

Các văn bản Tòa án giao cho anh T, ông nhận và sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh T biết nội dung.

Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, trong quá trình thụ lý, giải quyết đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266 của BLTTDS. Các Điều 51, 56 Điều 57 Luật HN &GD. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Về hôn nhân: Chị L được ly hôn anh T. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa chị Phạm Thùy L và anh Lê Văn T là Tranh chấp về Ly hôn. Bị đơn có địa chỉ trước khi xuất cảnh là Thôn 2 Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú hiện nay là Nhật Bản. Tại công văn số: 566/PA08-T1 ngày 18/3/2025 của phòng quản lý xuất nhập cảnh công an tỉnh Thanh Hoá thì lần xuất cảnh gần nhất của anh T là ngày 01/8/2024, hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Tại biên bản lấy lời khai ông Lê Văn Chiến (bố đẻ anh T) xác nhận anh T đi lao động tại Nhật Bản đến nay chưa về, vì vậy có căn cứ xác định hiện nay anh T đang ở Nhật Bản nên Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 BLTTDS.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Đối với chị L đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh, chị.

[2]. Về nội dung:

* *Về hôn nhân*: Chị L và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Tháng 8/2024 anh T đi lao động tại Nhật Bản từ đó đến nay không về nước. Anh T có biết việc chị L làm đơn xin ly hôn và đồng ý với đề nghị ly hôn của chị. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật HN & GD nên chấp nhận.

* *Về con chung*: Chị L và anh T chưa có con chung.

* *Về tài sản*: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 chị L nộp toàn bộ án phí HNST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266 BLTTDS; Các Điều 51, 56 và Điều 57 Luật HN & GD. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thùy L.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thùy L được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về án phí: Chị L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: 0000625 ngày 01/4/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (chị L đã nộp đủ án phí).

3. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T, huyện T;
- UBND xã A, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Hà